



03.2

CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính thưa Quý vị Cổ đông, các ông/bà Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS).

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc (TGD) Công ty Cổ phần Petec Bình Định, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn toàn thể Quý vị đã dành thời gian tham dự buổi họp ĐHĐCĐ ngày hôm nay.

Căn cứ các quy định của pháp luật, căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Petec Bình Định, thay mặt Ban TGD, tôi báo cáo với các Quý vị cổ đông và các ông/bà HĐQT, BKS về các mặt hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động của sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2024 với các nội dung chính như sau:

I. BÁO CÁO CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024:

1. Đặc điểm tình hình:

1.1 Thuận lợi:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý được HĐQT đặc biệt quan tâm, liên tục thực hiện sát sao, qua đó kịp thời ứng phó với những khó khăn khách quan cũng như trong hỗ trợ hoạt động kinh doanh, tổ chức kiện toàn bộ máy.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động Công ty phát huy tốt ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

1.2 Khó khăn:

Năm 2024, kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều diễn biến tích cực; Tuy nhiên chỉ trong trong lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, kinh tế trong nước vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nổi lên như: Tác động từ thiên tai của bão Yagi; Khó khăn trong hoạt động doanh nghiệp khi môi trường kinh doanh có nhiều thách thức, cụ thể: Trong 9 tháng đầu năm 2024 trung bình mỗi tháng có 18,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường; Thách thức từ chính sách tiền tệ và tài khóa: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt để kiểm soát lạm phát và theo dõi các chính sách của Mỹ, tuy nhiên vẫn tồn tại lo ngại về nợ xấu gia tăng trong lĩnh vực ngân hàng và bất động sản.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024:

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

	Thực hiện năm 2024	So với kế hoạch
Doanh thu	1.221 tỷ 863 triệu đồng	76,3%
Lợi nhuận sau thuế	(1 tỷ 366 triệu đồng)	-
Cổ tức	0%	-

(Đính kèm Biểu số 01 - Bảng chi tiết kết quả kinh doanh năm 2024)

2.2 Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

2.2.1 Đối với ngành hàng kinh doanh xăng dầu:

- Kế hoạch đặt ra trong năm 2024, hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt doanh thu 432 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt thu 310 tỷ, sản lượng tiêu thụ đạt 13 triệu lít xăng dầu các loại. So sánh với năm 2023, sản lượng tiêu thụ vẫn giữ được mức tương đương, chủ yếu đến từ nguồn cửa hàng trực thuộc, đại lý và hộ công nghiệp, sản lượng khu vực này đã có mức tăng từ 650m³/tháng lên trên 1.200m³/tháng. Năm 2024 không có hoạt động mua bán lô.
- Công ty đang từng bước bám sát, củng cố tăng trưởng hệ thống cửa hàng, đại lý, hộ công nghiệp lên số lượng 50 đơn vị, mục tiêu đạt 02 triệu lít mỗi tháng theo kế hoạch đặt ra; Trong đó vừa triển khai mua cây xăng dầu, vừa phát triển lôi kéo đại lý về hệ thống. Hiện Công ty đã có 05 cửa hàng, 13 đại lý, 20 hộ công nghiệp. Riêng mảng mua bán thương mại xăng dầu do tiềm ẩn rủi ro nên chưa thể tăng sản lượng mảng này trong năm 2024.

2.2.2 Đối với ngành hàng Xi-măng:

Kế hoạch đặt ra trong năm 2024, hoạt động kinh doanh xi-măng đạt doanh thu 161 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt 83,1% - tương đương 133,7 tỷ đồng.

Về thị trường: Tập trung giữ thị phần xi măng Nghi Sơn và tăng sản lượng xi măng Alpha khu vực tỉnh Gialai; Tập trung xi-măng Phúc Sơn khu vực tỉnh Bình Định.

Về công nợ: Giảm công nợ đọng và thanh toán nhanh trong năm 2024; Giảm các khách hàng có công nợ cao.

Về lợi nhuận: Sản lượng xi-măng tăng hơn so với năm 2023 nhưng lợi nhuận giảm do giá Nghi Sơn, Phúc Sơn cùng giảm; Vì vậy lợi nhuận chung không đạt theo kế hoạch.

Trong năm hoạt động kinh doanh xi-măng gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Tình hình kinh tế năm 2024 khá khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực bất động sản đóng băng, các mặt hàng kinh doanh thu hẹp, nguồn vốn của các doanh nghiệp giảm do gặp khó khăn về việc thu hồi các khoản nợ.
- Giá bán sản phẩm Nghi Sơn, Phúc Sơn giảm dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm; Trong đó, cạnh tranh giá diễn ra phức tạp nhất là tại Gia Lai, giá bán ngang giá vốn dẫn đến không có lợi nhuận mảng xi-măng Nghi Sơn.
- Sản phẩm giá rẻ tập trung nhiều vào khu vực miền Trung - tăng độ cạnh tranh trên thị trường, các nhãn có thương hiệu bắt buộc cạnh tranh theo làm giảm lợi nhuận. Các đại lý lớn trở thành các nhà phân phối - tăng độ cạnh tranh giữa các nhà phân phối.
- Chi phí trong cơ cấu giá thành còn cao.
- Đặc thù ngành xi măng là bán hàng phải cho nợ, nếu yêu cầu khách thanh toán ngay thì phải hạ giá sâu dẫn đến lợi nhuận thấp, nếu để nợ thì tồn đọng vốn, rủi ro thu hồi nợ.

2.2.3 Đối với các dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Nhìn chung hoạt động khai thác mặt bằng của Công ty năm 2024 tuy chưa hoàn thành kế hoạch do thực tế nhu cầu thị trường không đạt như kỳ vọng, nhưng cơ bản ổn định. Công ty đã tìm kiếm các đối tác uy tín, hoạt động kinh doanh chuỗi để khai thác dựa trên lợi thế mặt bằng, vì vậy kết quả thu về đạt tốt. Doanh thu năm 2024 mảng này 5,5 tỷ đồng doanh thu, tăng 5% so với năm 2023 nhưng mới chỉ đạt với 79% kế hoạch đề ra.

2.2.4 Kinh doanh thương mại khác:

Trong năm 2024, Công ty vẫn chỉ dừng ở mức tìm hiểu thị trường đối với nhóm hàng sắt thép, nông sản do thị trường biến động, có nhiều rủi ro. Năm 2024 doanh thu hoạt động này đạt 771,6 tỷ đồng, mang lại hiệu quả kinh doanh tốt.

2.2.5 Hoạt động tài chính

Năm 2024, nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán nói riêng tiếp tục biến động. Tuy nhiên, do có chiến lược đầu tư và kế hoạch hành động cụ thể nên mảng đầu tư chứng khoán đạt được kết quả tốt - tạo nguồn thu trong bối cảnh các mảng kinh doanh truyền thống khác gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, bằng các cơ chế quản lý kinh doanh nhằm kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đối với các Hợp đồng thương mại đối tác đã ký kết và thực hiện nhưng chậm thanh toán, Công ty đã phạt theo các điều khoản đã cam kết, thông qua đó cũng đã tạo được nguồn thu đáng kể cho hoạt động kinh doanh chung của Công ty, đảm bảo an toàn vốn.

3. Về tình hình đầu tư:

3.1. Bất động sản đầu tư:

Trong năm 2024, Công ty thực hiện đầu tư bất động sản là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Mục đích sử dụng: đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Tổng giá trị bất động sản đầu tư là: 21.012.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ, không trăm mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn).

Toàn bộ các bất động sản đầu tư đang được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng mà Công ty đang đi vay.

3.2. Dự án đầu tư xây dựng mới:

- DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG “TÒA NHÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC PETEC” theo nghị quyết số 88/NQ/NK5-HĐQT của HĐQT ngày 05/11/2024, dự án được UBND Tỉnh Bình Định cấp giấy Chứng nhận đầu tư số: 3360540527, ngày 24 tháng 12 năm 2024.
- Địa điểm xây dựng: Lô đất số 349-351 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Diện tích xây dựng: 523m²

- Quy mô dự án: Tòa nhà gồm 06 tầng nổi và 01 tầng bán hầm.
- Tổng vốn đầu tư: 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỉ đồng chẵn);
- Tiến độ:
 - Quý 1/2025: Hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng;
 - Quý II/2025: Khởi công và xây dựng công trình;
 - Quý I/2025: Hoàn thành công trình đi vào sử dụng.

4. Về công tác tài chính:

- 4.1. Tình hình tài sản: Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2024 là 25.363.615.537 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng có hiệu quả.
- 4.2. Tình hình nợ phải thu:
- Tại thời điểm 31/12/2023, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.
 - Tổng nợ phải thu đến 31/12/2024 là: 342.434.110.481 đồng, tăng 6,9% so với năm trước.
 - Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.
- 4.3. Tình hình nợ phải trả:
- Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2024: 9.316.659.188 đồng.
 - Công ty luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

5. Về tổ chức, lao động:

Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban TGD. Công tác kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên liên tục. Để đảm bảo yêu cầu phát triển kinh doanh Công ty đã tăng cường hơn nữa công tác tuyển dụng mới, bên cạnh đó, nâng cao vai trò quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách, giao KPI cụ thể đối với mảng kinh doanh, đi đôi với cơ chế thưởng phạt rõ ràng để khích lệ cũng như thay thế các nhân sự không đảm bảo yêu cầu. Công tác phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng

tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.

6. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

1. Dự báo tình hình:

Xuất phát từ hững rủi ro toàn cầu về địa chính trị, chiến tranh thương mại, cùng những thay đổi căn bản cơ chế vận hành phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, mà bước đầu là giai đoạn chuyển dịch, vì vậy năm 2025 sẽ tiếp tục là năm nhiều khó khăn cho nền kinh tế và các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Để ổn định và phát triển, năm 2025 Công ty sẽ vẫn tập trung vào các nhóm hàng kinh doanh chính, truyền thống sau:

- Xăng dầu bán buôn (thương nhân phân phối) và bán lẻ;
- Xi-măng và các sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Ổn định nhóm hàng thương mại khác, trong đó phát triển chuyên sâu nhóm hàng sắt thép công nghiệp;
- Khai thác hiệu quả hệ thống mặt bằng hiện có.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2025:

2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2025:

Trên cơ sở tình hình thực tế thị trường, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2025, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2025	
	Kế hoạch	So với thực hiện 2024
Doanh thu	1.563 tỷ đồng	128,1%
Lợi nhuận gộp	41,6 tỷ đồng	133,8%
Lợi nhuận trước thuế	9,3 tỷ đồng	546,2%
Lợi nhuận sau thuế	6,4 tỷ đồng	-

(Đính kèm Biểu số 02 - Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024).

2.2 Một số định hướng chính trong hoạt động của năm 2025:

- Đối với từng ngành hàng, việc phát triển hệ thống, đặc biệt ở mảng kinh doanh xăng dầu là mục tiêu quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay. Các mục tiêu tiếp theo nhằm ổn định hoạt động kinh doanh gồm có: Tạo sự linh hoạt trong quản lý

thuê khoán khu vực kinh doanh xăng dầu bán lẻ nhằm tăng sản lượng bán ra; Khai thác, xây dựng mới hệ thống các kho đảm bảo nhu cầu cấp hàng cho Đại lý xăng dầu; Phát triển theo chiều sâu mảng kinh doanh sắt thép công nghiệp; Giữ và phát triển thị trường VLXD đi đôi với thực hiện rà soát sát sao công nợ, tồn kho; Hoạt động kinh doanh tài chính đảm bảo các yêu cầu an toàn vốn, có hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát tuân thủ, chú trọng phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý tài chính, tránh phát sinh nợ xấu, quyết liệt thu hồi các khoản nợ đọng. Nâng cao khả năng quản lý và khai thác tài sản hiện có.
- Thực hiện nâng cao trách nhiệm quản lý, hiệu quả trong điều hành các cấp; Nâng chất lượng lao động - hiệu quả công việc thông qua hệ thống tiêu chuẩn đo lường cụ thể cho từng đơn vị, phòng ban; Triển khai đánh giá thường xuyên và khoa học, tạo công bằng trong phân phối thu nhập.

3. Các giải pháp thực hiện:

Trong bối cảnh nhiều khó khăn như hiện nay, để hoàn thành mục tiêu đề ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

3.1 Giải pháp kinh doanh:

3.1.1 Đối với mảng kinh doanh bán buôn xăng dầu:

- Hệ thống Công ty đặt mục tiêu phát triển năm 2025 tăng thêm 1-2 cửa hàng (sản lượng đạt 800m³/tháng), Đại lý tăng 3-4 đại lý (sản lượng đạt 650m³/tháng), tăng thêm 5 hộ công nghiệp (sản lượng đạt 250m³/tháng).
- Tái thiết lập kho xăng dầu.
- Cải tiến nâng chất lượng khoán ở các cửa hàng xăng dầu trực thuộc của công ty, đảm bảo minh bạch, cụ thể và hiệu quả.

3.1.2 Đối với mảng kinh doanh VLXD:

Hoạt động kinh doanh xi-măng sẽ bị tác động bởi các yếu tố đầu vào do những biến động giá cả chi phí đầu vào, áp lực cạnh tranh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Về thị trường và ngành hàng: Tập trung xây dựng hình ảnh Phúc Sơn khu vực An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ; Đẩy mạnh sản lượng Phúc Sơn khu vực Quy Nhơn, Tuy

Phước; Tập trung xi măng Alpha tất cả các huyện trong Tỉnh Bình Định và khu vực Tây Nguyên; Tăng độ phủ Nghi Sơn tại khu vực Gia Lai;

- Nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác để đa dạng hóa mặt hàng. Tối ưu chi phí lao động và chi phí khai thác để nâng năng suất phục vụ, quản lý chặt chẽ công nợ, dòng tiền,... nhằm tăng hiệu quả trên đầu tấn bán ra;
- Tăng cường chăm sóc khách hàng, theo hướng trả tiền ngay, tiền trước để có được giá tốt.
- Xây dựng lại bộ phận thị trường, cùng với việc triển khai kinh doanh xi-măng sẽ phối hợp nghiên cứu mở rộng các ngành nghề liên quan đến ngành hàng VLXD khác.
- Nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng, thiết lập lại hệ thống quản trị bán hàng tại đơn vị.

3.1.3 Đối với mảng khai thác mặt bằng:

- Tiếp tục hợp tác với các đối tác giàu tiềm năng, có thương hiệu để khai thác tối đa những vị trí đất nằm ở trung tâm của công ty để tăng hiệu quả khai thác.
- Tìm kiếm đối tác để khai thác mặt bằng 323 Bạch Đằng trong thời gian sớm nhất.

3.1.4 Mảng kinh doanh thương mại khác:

Quy Nhơn là vị trí chiến lược để phát triển rất nhiều ngành nghề kinh doanh thương mại dựa vào lợi thế Cảng nước sâu phục vụ cho các tỉnh thuộc Miền Trung - Tây nguyên, cùng với lợi thế của thương hiệu Petec Bidico về mức độ tín nhiệm và thương hiệu tốt tại khu vực nên Ban Tổng Giám đốc sẽ nghiên cứu để mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác như: nông sản thực phẩm, phân bón, ngành gỗ và chế biến, và các mặt hàng XNK khác.

3.1.5 Đối với hoạt động đầu tư tài chính:

Công ty sẽ chuẩn hóa hoạt động kinh doanh này nhằm có thể tiếp cận và tạo hiệu quả tốt hơn khi thị trường chứng khoán vào chu kỳ ổn định. Tối ưu, đảm bảo hiệu quả dòng tiền kinh doanh (kể cả hoạt động thu từ phạt tài chính với các Hợp đồng thương mại).

3.2 Giải pháp về tài chính:

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế quản lý kinh doanh như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm thuận lợi cho phát triển kinh doanh, bảo toàn vốn và theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế sử dụng vốn phù hợp nhằm kích thích khu vực thuê khoán bán lẻ xăng dầu, tăng sản lượng bán ra.
- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: Tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu,... Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo;
- Lập kế hoạch, cân đối nhu cầu vốn đầu tư dài hạn và vốn lưu động; xác định nhu cầu vốn hợp lý giữa các ngành hàng để phân bổ nguồn vốn và tìm kiếm nguồn tài trợ với lãi suất tốt nhất;
- Tiếp tục các phương án khai thác và sử dụng tài sản: khai thác 100% các mặt bằng, kho bãi; đối với các mặt bằng/kho bãi đang hợp tác kinh doanh/cho thuê cần đánh giá hiệu quả định kỳ; xem xét phương án đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác; tiếp tục cơ cấu lại các tài sản có hiệu quả khai thác chưa cao hoặc không có phương án sử dụng để thu hồi vốn đầu tư và nâng hiệu suất sử dụng vốn.

3.3 Giải pháp về tổ chức, lao động:

Trong năm 2024, thông qua tuyển dụng mới, năng suất lao động của Công ty đã được cải thiện. Tuy nhiên, công tác kiện toàn bộ máy vẫn phải được tiếp tục thực hiện, áp dụng sâu rộng phương án KPI theo từng ngành hàng để kích thích tăng sản lượng và hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển SX-KD của Công ty trong tình hình mới.

Tóm lại, Công ty đã rất nỗ lực vượt qua năm 2024 đầy khó khăn, tạo lợi nhuận và duy trì ổn định đời sống của CBNV Công ty. Đó là nhờ vào sự quyết liệt của HĐQT, Ban TGD cùng những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể CBNV Công ty.

Năm 2025 - song hành với những khó khăn hiện nay thì đây cũng là năm mở ra nhiều cơ hội mới. Ban TGD sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo cùng với sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT; mục tiêu là phát triển kinh doanh, xây dựng hệ thống bền vững; giữ vững và phát triển nguồn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đề ra.

Trân trọng báo cáo Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2024;
- Lưu P.TC-HC-TH.

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 4 năm 2025

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thời Đại

Biểu số 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2024		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2023
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	1.189.090	77,55%	75,39%
DOANH THU	Tr.đồng	1.221.001	76,30%	74,96%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	1.215.486	76,29%	74,86%
Xi-măng	Tr.đồng	133.738	83,11%	129,88%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	133.738	83,11%	129,88%
+ Lượng bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, H.Long)	tấn	93.002	86,11%	143,06%
Xăng dầu	Tr.đồng	310.160	71,73%	116,06%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	146.690	77,48%	146,45%
+ Lượng bán ra	1000 lít	5.225	53,10%	100,34%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	163.470	67,26%	97,84%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7.793	76,40%	94,19%
KD khác (Tôn / Thép / Thực phẩm / Nông sản / Đồng giá)	Tr.đồng	771.588	77,16%	61,60%
DOANH THU D/VỤ, CHO THUÊ MẶT BẰNG	Tr.đồng	5.515	78,78%	105,96%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.221.001	76,30%	74,96%
Tổng doanh thu thuần	-	1.219.863	76,23%	74,99%
Giá vốn hàng bán	-	1.189.090	77,55%	75,39%
Chiết khấu hàng mua		-	0,00%	
Lợi nhuận gộp	-	31.910	47,72%	61,51%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	22.261	381,54%	163,81%
Chi phí tài chính	-	22.666	69,40%	111,16%
Chi phí bán hàng	-	17.258	116,54%	86,95%
Trích lập dự phòng	-	-		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	11.737	119,89%	97,64%
Thu nhập khác		364		973,15%
Lợi nhuận trước thuế	-	1.699	11,00%	15,42%
Thuế phải nộp	-	3.065	99,25%	72,67%
Lợi nhuận sau thuế	-	(1.366)	-	-

Biểu số 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2025	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2024
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	1.521.959	127,99%
DOANH THU	Tr.đồng	1.563.128	128,02%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	1.556.357	128,04%
Xi-măng	Tr.đồng	172.454	128,95%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	172.454	128,95%
+ Lượng bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Long)	tấn	125.000	134,41%
Xăng dầu	Tr.đồng	455.996	147,02%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	212.946	145,17%
+ Lượng bán ra	1000 lít	13.200	252,61%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	243.050	148,68%
+ Lượng bán ra	1000 lít	9.600	123,19%
KD khác (Tôn / Thép / Thực phẩm / Nông sản / Đồng giá)	Tr.đồng	927.907	120,26%
DOANH THU D/VỤ, CHO THUÊ MẶT BẰNG	Tr.đồng	6.771	122,78%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	1.563.128	128,02%
Giá vốn hàng bán	-	1.521.959	127,99%
Chiết khấu hàng mua		-	0,00%
Lợi nhuận gộp	Tr.đồng	41.169	129,02%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	20.766	93,28%
Chi phí tài chính	-	24.911	122,17%
Chi phí bán hàng	-	16.444	82,85%
Trích lập dự phòng	-	-	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	11.302	96,29%
Thu nhập khác		-	
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	9.278	546,19%
Thuế phải nộp	-	2.856	93,18%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.422	-

Biểu số 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): *đăng tải tại trang điện tử của Công ty “petecbidico.com.vn”, mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo Tài chính.*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		424.401.994.836	397.264.643.170
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		49.581.555.007	46.684.494.773
1. Tiền	111	5	14.181.555.007	16.073.922.273
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	35.400.000.000	30.610.572.500
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.548.375.873	20.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	23.548.375.873	20.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		342.434.110.481	320.251.919.772
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	329.525.888.233	316.730.460.183
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	7.804.516.110	5.596.693.813
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	7.718.005.775	421.490.863
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(2.614.299.637)	(2.496.725.087)
IV. Hàng tồn kho	140	12	8.211.486.543	9.441.813.013
1. Hàng tồn kho	141		8.211.486.543	9.441.813.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		626.466.932	386.415.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	491.085.841	251.034.521
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		135.381.091	135.381.091
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.960.714.852	30.439.007.322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.363.615.537	27.968.437.551
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	24.462.967.537	27.067.789.551
- Nguyên giá	222		56.938.285.685	56.867.465.685
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.475.318.148)	(29.799.676.134)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	16	21.012.500.000	-
- Nguyên giá	231		21.012.500.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.774.361.893	1.121.471.640
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(3.704.702.631)	(4.357.592.884)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.810.237.422	1.349.098.131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	1.810.237.422	1.349.098.131
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		474.362.709.688	427.703.650.492

Bảng cân đối kế toán

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		398.519.300.385	349.814.251.630
I. Nợ ngắn hạn	310		398.519.300.385	349.814.251.630
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	9.316.659.188	11.468.614.851
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	302.939.027	116.706.984
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	5.306.291.217	5.036.135.714
4. Phải trả người lao động	314		815.491.680	1.029.445.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.630.111.224	1.701.500.620
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		176.521.198	259.393.929
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	4.564.537.845	3.035.284.762
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	375.009.568.116	326.776.879.072
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		397.180.890	390.290.067
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.843.409.303	77.889.398.862
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	75.843.409.303	77.889.398.862
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	18.477.259.329	20.523.248.888
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.843.420.938	13.724.969.391
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.366.161.609)	6.798.279.497
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		474.362.709.688	427.703.650.492

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	26	1.221.000.558.211	1.626.788.198.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	1.137.591.212	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.219.862.966.999	1.626.788.198.223
4. Giá vốn hàng bán	11	28	1.189.090.377.844	1.577.140.538.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		30.772.589.155	49.647.659.805
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	22.261.010.002	13.589.610.157
7. Chi phí tài chính	22	30	22.665.551.782	20.390.277.270
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.662.951.051	20.391.162.079
8. Chi phí bán hàng	25	31.a	17.258.393.314	19.847.844.112
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.b	11.736.898.935	12.020.859.445
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.372.755.126	10.978.289.135
11. Thu nhập khác	31	32	363.957.164	283.259.530
12. Chi phí khác	32	33	38.181.400	245.913.890
13. Lợi nhuận khác	40		325.775.764	37.345.640
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.698.530.890	11.015.634.775
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	3.064.692.499	4.217.355.278
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(1.366.161.609)	6.798.279.497
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	(338)	1.515
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	(338)	1.515

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.698.530.890	11.015.634.775
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	14	2.675.642.014	2.677.739.218
- Các khoản dự phòng	03		(535.315.703)	71.128.403
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	29	(2.180.696.854)	(1.078.024.703)
- Chi phí lãi vay	06	30	22.662.951.051	20.391.162.079
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		24.321.111.398	33.077.639.772
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.256.757.610)	23.729.562.365
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.230.326.470	3.859.738.237
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		387.699.884	(101.940.128.582)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(701.190.611)	(1.017.145.228)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	9.584.945.217
- Tiền lãi vay đã trả	14	21,30	(23.432.758.409)	(19.087.447.336)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(2.216.614.537)	(3.910.722.412)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(672.937.127)	(821.896.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.341.120.542)	(56.525.453.967)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	14,16	(26.083.320.000)	(54.181.818)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(10.935.829.573)	(32.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	7.887.453.700	22.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10,29	2.137.689.205	938.173.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.994.006.668)	(9.416.008.637)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	23	1.306.539.519.495	1.167.342.385.155
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(1.258.306.830.451)	(1.074.364.776.547)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22	(501.600)	(3.887.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		48.232.187.444	92.973.721.208
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.897.060.234	27.032.258.604
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	46.684.494.773	19.652.236.169
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		49.581.555.007	46.684.494.773